

KẾ HOẠCH BAY NGÀY 25/05/2022

STT	NOMBAY	Đường bay	Đi			Về			Ghi chú
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng	
1		P9+BK8+TTC1	7:25	20+1+1	0+0+0		15+4+0	0+0+0	chuyen 2 bk8-ttc1
2		BK4+BK3+CNV	7:25	7+8+7	0+0+0		4+11+7	0+0+0	
3		P10+PVD2+RP2	7:25	15+7+0	0+0+0		10+7+5	0+0+0	
4		BK10+MRM+RC5	9:25	8+12+0	0+0+0		5+11+4	0+0+0	
5		TD3+PVD1+RCDM	9:25	3+19+0	0+0+0		0+20+2	0+0+0	
6		P2+VSP01+RC3	9:25	19+2+1	0+0+0		18+1+3	0+0+0	
7		TD1+P11+PPD	11:25	4+10+8	0+0+0		4+7+9	0+0+0	
8		CNV+AMD+P9	11:25	0+3+10	0+0+0		1+5+16	0+0+0	chuyen 7 cnv-amd
9		PVD1+GTC1+BK3	13:25	21+0+0	0+0+0		13+3+6	0+0+0	
10		P10+BK10+BK4	13:25	1+14+0	0+0+0		0+16+3	0+0+0	

TTBDSX

Ghi Chú : Xem lịch bay sau 17h và mở rộng dòng này để xem tất cả các thông báo.
I/Đi về trong ngày Bk3-3ng, bk4-3ng, P9-4ng, bk10-3ng. 7 người đi CNV chuyen 1 sang AMD
chuyen cuoi. 1 người Rp2 về đi Rc3 1 người Rc5 về đi GTC1

FLIGHT MANIFEST

DATE: 25/05/2022	TO: P9 - BK8 - TTC1	AIRCRAFT: 426	ETD: 07:30
FLIGHT: 1	FROM: VT	CREW: VThắng - NPhú - QTrường	ETA: 09:10
XANH-1			

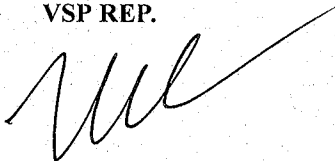
No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	VŨ VĂN TOÀN	P9					74	D-HANH	Vietnamese
2	VASIANKIN A.	P9	48	1	12		115	KH-THAC	Russian
3	NGUYỄN MẠNH HÙNG	P9	59	1	13		75	KH-THAC	Vietnamese
4	CHU MINH HÙNG	P9	60	1	3		82	KH-THAC	Vietnamese
5	TRẦN VĂN LINH	P9				70	80	NIPI	Vietnamese
6	BAGRAMOVA	P9	45	1	2		51	NIPI	Russian
7	PHẠM CÔNG TUÂN	P9	54	1	4		57	PSV	Vietnamese
8	VŨ VĂN PHÚC	P9	56	1	3		52	PSV	Vietnamese
9	NGUYỄN QUỐC TUÂN	P9	55	1	5		74	PSV	Vietnamese
10	LÊ MINH THUY	P9	47	1	4		73	KH-THAC	Vietnamese
11	VŨ VĂN THOẠI	P9	53	1	4		79	KH-THAC	Vietnamese
12	BUI NGỌC THÂN	P9					74	KH-THAC	Vietnamese
13	NGÔ AN CHUNG	P9	57-58	2	10		63	KH-THAC	Vietnamese
14	LÊ MINH THUY	P9					80	KH-THAC	Vietnamese
15	NGUYỄN VIỆT CƯỜNG	P9	61	1	7		75	KH-THAC	Vietnamese
16	NGUYỄN VIỆT THẮNG	P9	46	1	9		75	KH-THAC	Vietnamese
17	HỒ SĨ BÌNH	P9	52	1	5		75	KH-THAC	Vietnamese
18	TRẦN VĂN BĂNG	P9	51	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
19	TRẦN VĂN DŨNG	P9	50	1	5		54	KH-THAC	Vietnamese
20	TRẦN VĂN HÀ	P9	49	1	4		70	KH-THAC	Vietnamese
21	ZAKHARIN SERGEY	BK8	98	1	12	40	112	KH-THAC	Russian
22	TẠ TRUNG DŨNG	TTC1	85	1	10		95	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

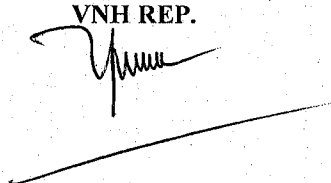
No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P9	20	17	95	1.443	70	15		
2	BK8	1	1	12	112	40	4 + 2		CHUYEN 2 PAX TU BK8 SANG TTC1
3	TTC1	1	1	10	95	0	0		
TOTAL		22	19	117	1.650	110	19		
WEIGHT KG				117	1.650	110			

GRAND TOAL: 1.877 KGS

VSP REP.



VNH REP.



CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 25/05/2022	FROM: VT	AIRCRAFT: 427	ETD: 07:35
FLIGHT: 2	TO: BK4 - BK3 - CNV	CREW: TTrung - Mạnh - Toan	ETA: 09:15
CAM-1			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	VU MINH PHUONG	BK4	62	1	3		72	KH-THAC	Vietnamese
2	LE VAN LAM	BK4					77	KH-THAC	Vietnamese
3	NGUYEN THE TIEN	BK4	61	1	3	40	75	KH-THAC	Vietnamese
4	PHAM XUAN MANH	BK4	32,60	2	7		66	PSV	Vietnamese
5	NGUYEN TIEN DUNG	BK4	64	1	5		75	KH-THAC	Vietnamese
6	NGO DANG DUC	BK4					73	KH-THAC	Vietnamese
7	NGUYEN VAN TIEN	BK4	63	1	9		75	KH-THAC	Vietnamese
8	NGUYEN XUAN THO	BK3	30	1	3		93	D-HANH	Vietnamese
9	NGUYEN HUU VAN	BK3					74	D-HANH	Vietnamese
10	TA CAO BIEN	BK3	25	1	2	55	65	ANTOAN	Vietnamese
11	TRAN DINH DINH	BK3	27	1	5		72	PSV	Vietnamese
12	VU DUY KHUONG	BK3	29	1	7		62	KH-THAC	Vietnamese
13	NGUYEN VAN PHUOC	BK3	28	1	3		70	KH-THAC	Vietnamese
14	PHAN CONG THANH	BK3	26	1	7		76	KH-THAC	Vietnamese
15	NGUYEN HUU NHAN	BK3	31	1	7		72	PSV	Vietnamese
16	TRAN THANH TAI	CNV	46	1	5		65	BAN DVV	Vietnamese
17	LE TU QUOC PHAT	CNV	44-45	2	10		63	BAN DVV	Vietnamese
18	TRAN DUC QUAN	CNV	50	1	5	35	72	BAN DVV	Vietnamese
19	PHI NGOC NGUYEN	CNV	47	1	12		70	HOAN VU	Vietnamese
20	LE DUC HUNG	CNV	51	1	10		66	HOAN VU	Vietnamese
21	PHAM TIEN DUAN	CNV	49	1	7		63	HOAN VU	Vietnamese
22	NGUYEN TIEN LOI	CNV	48	1	9		66	HOAN VU	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARIRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	BK4	7	6	27	513	40	4		
2	BK3	8	7	34	584	55	11		
3	CNV	7	8	58	465	35	7		
TOTAL		22	21	119	1.562	130	22		
WEIGHT KG				119	1.562	130			

GRAND TOAL: 1.811 KGS

VSP REP.



VNHS REP.



CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 25/05/2022	TO: P10 - PVD2 - RP2	AIRCRAFT: 424	ETD: 07:40
FLIGHT: 3	FROM: VT	CREW: VTHU - MTHẮNG - HIẾU	ETA: 09:20
VANG-1			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYỄN TRỌNG BÌNH	P10	78	1	5		64	YTE	Vietnamese
2	LƯU SƠN	P10	82-83	2	10		74	KH-THAC	Vietnamese
3	HỒ ANH QUỐC	P10	72	1	4	40	75	KH-THAC	Vietnamese
4	PHẠM HUYNH VŨ	P10	79	1	7		67	KH-THAC	Vietnamese
5	NGUYỄN ĐÌNH HẢI	P10	71	1	4		67	KH-THAC	Vietnamese
6	TRẦN ĐỨC BA	P10	63	1	2		82	KH-THAC	Vietnamese
7	NGUYỄN ANH KHOA	P10	69	1	6		73	KH-THAC	Vietnamese
8	NGUYỄN BAO LAM	P10	74	1	5		74	KH-THAC	Vietnamese
9	ĐỖ QUANG HÙNG	P10	66-67	2	7		65	KH-THAC	Vietnamese
10	LÊ NGỌC NGUYỄN	P10					80	KH-THAC	Vietnamese
11	LÊ CHI HIẾU	P10	73	1	5		73	KH-THAC	Vietnamese
12	NGUYỄN VĂN TOÀN	P10	64-65	2	12		57	KH-THAC	Vietnamese
13	NGUYỄN VĂN CƯỜNG	P10	68	1	7		67	KH-THAC	Vietnamese
14	VŨ ĐÌNH CƯỜNG	P10	70	1	10		66	KH-THAC	Vietnamese
15	NGUYỄN VĂN NAM	P10	77	1	6		94	KH-THAC	Vietnamese
16	HOANG VAN PHUONG	PVD2	81	1	3		60	PSV	Vietnamese
17	NGUYỄN HỮU LƯU	PVD2	300	1	5	28	70	KH-THAC	Vietnamese
18	NGUYỄN ĐÌNH THẮNG	PVD2	97	1	3	30	70	KH-THAC	Vietnamese
19	NGUYỄN ĐỨC TÙNG	PVD2	96	1	2		57	KH-THAC	Vietnamese
20	NGUYỄN HOANG KHA	PVD2	95	1	8		77	KH-THAC	Vietnamese
21	NGUYỄN CAO VINH	PVD2	23	1	4		60	NIPI	Vietnamese
22	ĐỖ QUỐC HUY	PVD2	22	1	5		80	NIPI	Vietnamese

FLIGHT PLAN

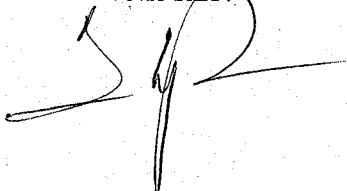
No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P10	15	17	90	1.078	40	10		
2	PVD2	7	7	30	474	58	7		
3	RP2	0	0	0	0	15	5		
TOTAL		22	24	120	1.552	113	22		
WEIGHT KG				120	1.552	113			

GRAND TOAL: 1.785 KGS

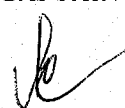
VSP REP.



VNH REP.



CAPTAIN





FLIGHT MANIFEST



DATE: 25/05/2022	FROM: VT	AIRCRAFT: 424	ETD: 09:30
FLIGHT: 4	TO: BK10 - MRM - RC5	CREW: V Thu - Thang Hien	ETA: 11:10
XANH-2			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYEN THANG	BK10	96	1	3		72	D-HANH	Vietnamese
2	NGUYEN ANH TUAN	BK10					70	D-HANH	Vietnamese
3	DO HIỆP PHU	BK10	35	1	3		60	ANTOAN	Vietnamese
4	NGUYEN QUANG DUNG	BK10	98	1	8	30	65	KH-THAC	Vietnamese
5	NGUYEN CONG TAN	BK10	32-33	2	8		82	KH-THAC	Vietnamese
6	VU XUAN THUY	BK10	34	1	5		67	KH-THAC	Vietnamese
7	NGO TUAN HUNG	BK10	97	1	10		65	KH-THAC	Vietnamese
8	PHAM HOANG GIANG	BK10	99	1	14		80	KH-THAC	Vietnamese
9	NGUYEN THANH BINH	MRM	20	1	8		75	AMNGR	Vietnamese
10	IOLTUKHOVSKII VALENTIN	MRM				35	96	AMNGR	Russian
11	PHAM THANH HAI	MRM	13-14	2	14		68	HALLIBUR	Vietnamese
12	NGUYEN DUY KHIEM	MRM	19	1	8		72	D-HANH	Vietnamese
13	NGUYEN VAN CUONG	MRM	23	1	10		87	KH-THAC	Vietnamese
14	TONG TIEN QUANG	MRM	11	1	16		77	DVL	Vietnamese
15	LY NHAT TRUONG	MRM	96	1	13		75	DVL	Vietnamese
16	TRAN QUOC HUONG	MRM	12	1	15		95	DVL	Vietnamese
17	PHAM VAN TUONG	MRM	15	1	10		82	DVL	Vietnamese
18	TRAN VAN MANH	MRM	16	1	15		71	DVL	Vietnamese
19	ĐẶNG TRỌNG THỨC	MRM	21-22	2	16		70	DVL	Vietnamese
20	TRAN QUANG HUY	MRM	17-18	2	20		90	DVL	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	BK10	8	8	51	561	30	5		
2	MRM	12	14	145	958	35	11		
3	RC5	0	0	0	0	0	4		
TOTAL		20	22	196	1.519	65	20		
WEIGHT KG				196	1.519	65			

GRAND TOAL: 1.780 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN

FLIGHT MANIFEST

DATE: 25/05/2022	FROM: VT	AIRCRAFT: 426	ETD: 09:40
FLIGHT: 5	TO: TD3 - PVD1 - RCDM	CREW: V Thắng - Phi - Q Truong	ETA: 11:20
VANG-2			

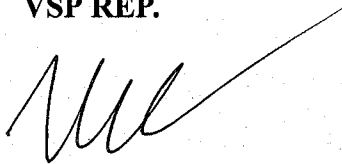
No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	LÊ XUÂN HƯƠNG	TD3	83-84	2	11		52	BASON	Vietnamese
2	NGUYỄN HỒ TRÚC HUY	TD3	82	1	5		74	BASON	Vietnamese
3	LƯƠNG TRUNG HẬU	TD3	85	1	5		80	BASON	Vietnamese
4	BUI XUÂN THÈM	PVD1	31	1	5		78	KHOAN	Vietnamese
5	ĐÀO XUÂN KHIÊM	PVD1	1000	1	5		50	PVDRILLI	Vietnamese
6	TRẦN QUỐC DŨNG	PVD1	49,99	2	15	10	82	PVDRILLI	Vietnamese
7	LƯƠNG VĂN HOÀNG	PVD1	32	1	2		87	PVDRILLI	Vietnamese
8	ĐỖ THANH TÙNG	PVD1	48	1	12		69	PVDRILLI	Vietnamese
9	NGUYỄN TRỌNG BĂNG	PVD1	60	1	8	40	74	PVDRILLI	Vietnamese
10	ĐỖ VĂN BIÊN	PVD1	951	1	9		72	PVDRILLI	Vietnamese
11	PHẠM TRỌNG ANH	PVD1	51	1	5		69	PVDRILLI	Vietnamese
12	ĐỖ VĂN ĐẠT	PVD1	49	1	7		58	PVDRILLI	Vietnamese
13	VÕ XUÂN QUANG	PVD1	59	1	5		62	PVDRILLI	Vietnamese
14	PHAN VĂN MẠNH	PVD1	57	1	4		60	PVDRILLI	Vietnamese
15	BUI MINH TUẤN	PVD1	52	1	6		70	PVDRILLI	Vietnamese
16	HOÀNG MỸ TÙNG	PVD1	55	1	5		80	PVDRILLI	Vietnamese
17	LƯU VĂN MẠNH	PVD1	53	1	5		57	PVDRILLI	Vietnamese
18	TRẦN VĂN NGHĨA	PVD1	61	1	5		58	PVDRILLI	Vietnamese
19	NGUYỄN BÌNH DÂN	PVD1	50	1	8		77	PVDRILLI	Vietnamese
20	NGUYỄN VĂN DŨNG	PVD1	54	1	5		72	PVDRILLI	Vietnamese
21	TRIỆU THANH ĐÔNG	PVD1	58	1	5		60	PVDRILLI	Vietnamese
22	NGUYỄN KHẮC LÂM	PVD1	56	1	5		63	PVDRILLI	Vietnamese

FLIGHT PLAN

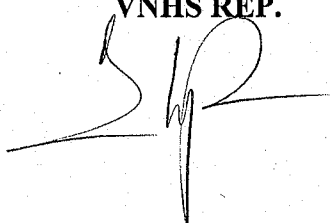
No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	TD3	3	4	21	206	0	0		
2	PVD1	19	20	121	1.298	50	20		
3	RCDM	0	0	0	0	0	2		
TOTAL		22	24	142	1.504	50	22		
WEIGHT KG				142	1.504	50			

GRAND TOAL: 1.696 KGS

VSP REP.



VNHS REP.



CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 25/05/2022	TO: P2 - VSP01 - RC3	AIRCRAFT: 427	ETD: 09:35
FLIGHT: 6	FROM: VT	CREW: TTrung - Mạnh - Toan	ETA: 11:15
CAM-2			

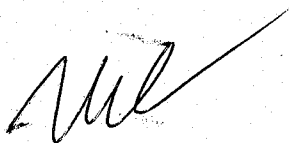
No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	TRẦN TÂN	P2	18	1	5		75	D-HANH	Vietnamese
2	LÊ HỒNG ĐẠI	P2	06	1	8		75	D-HANH	Vietnamese
3	VŨ VIỆT THANH	P2	17	1	5		72	D-HANH	Vietnamese
4	DUÔNG CHI TUYẾN	P2	13	1	7		66	KH-THAC	Vietnamese
5	TRẦN NGUYỄN BAO MINH	P2	05	1	3		79	KH-THAC	Vietnamese
6	ĐÀO VĂN ĐỨC	P2	08	1	5		69	KH-THAC	Vietnamese
7	VŨ THANH LONG	P2	25	1	3	3	73	KH-THAC	Vietnamese
8	DUƠNG VĂN THUAN	P2	19	1	3	100	60	KH-THAC	Vietnamese
9	NGUYỄN QUỐC TÂN	P2	21	1	3		62	KH-THAC	Vietnamese
10	NGUYỄN DUY NGỌC	P2	10	1	9	18	71	KH-THAC	Vietnamese
11	HA VĂN TRUNG	P2	11-12	2	15		67	KH-THAC	Vietnamese
12	ĐOÀN KHẮC CÁN	P2	15	1	9		63	KH-THAC	Vietnamese
13	ĐẶNG TRỌNG THAO	P2	14	1	11		72	KH-THAC	Vietnamese
14	TRẦN SƠN TIỀN	P2	07	1	5		72	KH-THAC	Vietnamese
15	VŨ ANH NGỌC	P2	02	1	5		73	KH-THAC	Vietnamese
16	LÊ NGỌC THĂNG	P2	03-04	2	14		85	KH-THAC	Vietnamese
17	NGUYỄN TIẾN ĐẠT	P2	09	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
18	ĐÀO QUANG THIẾT	P2	16	1	7		68	KH-THAC	Vietnamese
19	LÊ SỸ VANG	P2	20	1	7		62	KH-THAC	Vietnamese
20	NGUYỄN CÔNG QUÂN	VSP01	91	1	3		62	KH-THAC	Vietnamese
21	NGUYỄN QUỐC TUÂN	VSP01	92	1	5		75	KH-THAC	Vietnamese
22	HOANG NGOC LAN 80-1-10	RC3	31	1	10		80	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

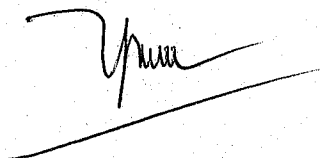
No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P2	19	21	129	1.334	121	18		
2	VSP01	2	2	8	137	0	1		
3	RC3	1	1	10	80	0	3		
TOTAL		22	24	147	1.551	121	22		
WEIGHT KG				147	1.551	121			

GRAND TOAL: 1.819 KGS

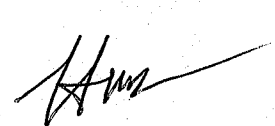
VSP REP.



VNH REP.



CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 25/05/2022	TO: P11 - TD1 - PPD - CLO	AIRCRAFT: 426	ETD: 11:30
FLIGHT: 7	FROM: VT	CREW: Hạnh - N.Anh - Huy	ETA: 13:10
XANH-3			

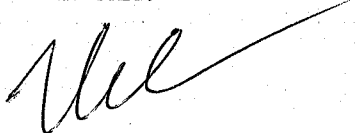
No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYỄN HỮU CHI THIÊN	P11	72-73	2	7		58	PHUOC SON	Vietnamese
2	NGUYỄN VĂN CỤC	P11	75	1	5		57	PHUOC SON	Vietnamese
3	TRẦN MINH ĐƯỢC	P11	74	1	15		57	PHUOC SON	Vietnamese
4	LƯU VĂN BÌNH	P11	65-66	2	10		71	PHUOC SON	Vietnamese
5	LÂM VĂN VINH A	P11	67	1	8	24	61	PHUOC SON	Vietnamese
6	LÊ VIỆT DUNG	P11	68	1	10		67	KH-THAC	Vietnamese
7	ĐẶNG VĂN ĐỨC	P11	70-71	2	18	60	65	KH-THAC	Vietnamese
8	PHẦN TIẾN ĐẠT	P11	76-77	2	15		84	KH-THAC	Vietnamese
9	NGUYỄN VĂN LINH	P11	69	1	13		70	PSV	Vietnamese
10	ĐO HUY KHANH	P11	64	1	7		80	PSV	Vietnamese
11	NGUYỄN ĐÌNH PHƯƠNG	TD1	50	1	7		76	KHOAN	Vietnamese
12	TELESHENKO IVAN	TD1	49	1	19	40	120	KHOAN	Russian
13	BUI VĂN QUYẾT	TD1	51	1	10		86	KHOAN	Vietnamese
14	NGUYỄN MẠNH HOÀN	TD1	52	1	8		60	KHOAN	Vietnamese
15	NGUYỄN HỮU PHI	PPD					72	KH-THAC	Vietnamese
16	TRẦN ĐỨC KHANG	PPD	65	1	8		83	KH-THAC	Vietnamese
17	NGUYỄN QUANG THẮNG	PPD					75	KH-THAC	Vietnamese
18	NGUYỄN QUANG VINH	PPD	58	1	5		100	KH-THAC	Vietnamese
19	TRẦN QUỐC TOÀN	PPD	59	1	7		70	XAYLAP	Vietnamese
20	LÊ QUÝ BƯỞNG	PPD	62	1	15		63	XAYLAP	Vietnamese
21	NHÂM ĐIỆN BIÊN	PPD	60-61	2	8		66	NIPI	Vietnamese
22	BUI HỮU TRI	PPD	63-64	2	8		60	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

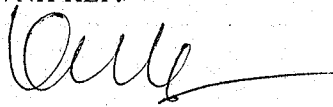
No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P11	10	14	108	670	84	7		CHUYỂN 20KG HÀNG TD1 SANG CLO
2	TD1	4	4	44	342	40	6		
3	PPD	8	8	51	589	0	9		
4	CLO	0	0	0	0	0	0		
TOTAL		22	26	203	1.601	124	22		
WEIGHT KG				203	1.601	124			

GRAND TOAL: 1.928 KGS

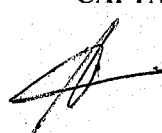
VSP REP.



VNH REP.



CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 25/05/2022	FROM: VT	AIRCRAFT: 427	ETD: 11:35
FLIGHT: 8	TO: CNV - AMD - P9	CREW: HUNG - ĐNam - NNam	ETA: 13:15
CAM-3			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	CAO ĐỨC CUONG	AMD	66	1	8	30	72	KH-THAC	Vietnamese
2	DANG VIET HOANG	AMD	69	1	10		63	KH-THAC	Vietnamese
3	NGUYEN VAN HIEN	AMD	67	1	10	13	64	KH-THAC	Vietnamese
4	VU ĐÌNH THUẬN	P9	66-67	2	20		63	KH-THAC	Vietnamese
5	LÊ NGỌC THANH	P9	71	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
6	NGUYỄN TIẾN TUNG	P9	72	1	7		80	KH-THAC	Vietnamese
7	TRẦN VĂN HAI	P9	70	1	7		70	KH-THAC	Vietnamese
8	PHẠM ĐỨC TÀI	P9	69	1	6		66	KH-THAC	Vietnamese
9	NGUYỄN ĐỨC BÌNH	P9	73	1	9		80	KH-THAC	Vietnamese
10	NGUYỄN THẾ VŨ	P9	68	1	7		67	KH-THAC	Vietnamese
11	HỒ ĐỨC HIỀN	P9	75-76	2	12		56	YTE	Vietnamese
12	NGUYỄN VĂN QUANG	P9					68	PSV	Vietnamese
13	NGUYỄN THANH BÌNH	P9	74	1	7		80	KHOAN	Vietnamese

FLIGHT PLAN

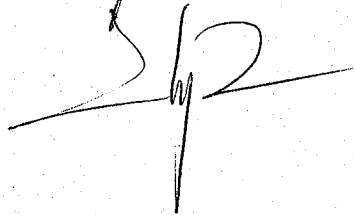
No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	CNV	0	0	0	0	0	14		CHUYỂN 7 PAX CNV-AMD
2	AMD	3	3	28	199	43	5		
3	P9	10	11	80	700	0	16		
TOTAL		13	14	108	899	43	22		
WEIGHT KG				108	899	43			

GRAND TOAL: 1.050 KGS

VSP REP.



VNHS REP.



CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 25/05/2022	TO: PVD1 - GTC1 - BK3	AIRCRAFT: 426	ETD: 13:30
FLIGHT: 9	FROM: VT	CREW: Hạnh - N.Anh - Huy	ETA: 15:10
VANG-4			

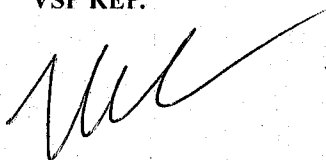
No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	TRƯỜNG HUY BÌNH	PVD1	18	1	5		63	PVDRILLIN	Vietnamese
2	NGUYỄN VĂN NAM	PVD1	24-25	2	20		75	PVDRILLIN	Vietnamese
3	MAI MINH TUÂN	PVD1	23	1	7		67	PVDRILLIN	Vietnamese
4	TRẦN CHÍNH CUÔNG	PVD1	21	1	10		73	PVDRILLIN	Vietnamese
5	TRẦN CÔNG PHONG	PVD1	35	1	3		75	PVDRILLIN	Vietnamese
6	BUI THANH TUNG	PVD1	94-95	2	11		80	PVDRILLIN	Vietnamese
7	NGUYỄN TRỌNG HẢI	PVD1	36	1	8		77	PVDRILLIN	Vietnamese
8	PHẠM TÀI TU	PVD1	89	1	12		66	PVDRILLIN	Vietnamese
9	LÊ SY NGUYỄN	PVD1	32	1	7		65	PVDRILLIN	Vietnamese
10	BUI NGỌC SỬ	PVD1	88	1	9		72	PVDRILLIN	Vietnamese
11	PHẠM VĂN ĐẠI	PVD1	90-91	2	11		69	PVDRILLIN	Vietnamese
12	NGUYỄN ĐOÀN	PVD1	26-27	2	17		65	PVDRILLIN	Vietnamese
13	NGUYỄN VĂN HOÀN	PVD1	28	1	8		52	PVDRILLIN	Vietnamese
14	LÊ THANH THAI	PVD1	92-93	2	18		105	KHOAN	Vietnamese
15	NGUYỄN VIỆT LONG	PVD1	87	1	5		75	KH-THAC	Vietnamese
16	NGUYỄN VĂN NAM (CN)	PVD1	37	1	5		80	DVL	Vietnamese
17	TRẦN VIỆT HỒ	PVD1	22	1	17		79	DVL	Vietnamese
18	NGUYỄN BA THANH	PVD1	19-20	2	21		74	XAYLAP	Vietnamese
19	HÀ MẠNH CUÔNG	PVD1	29-30	2	17	10	67	XAYLAP	Vietnamese
20	NGUYỄN KHẮC QUÝ	PVD1	17	1	10		67	XAYLAP	Vietnamese
21	DƯƠNG VĂN TUÂN	PVD1	33	1	15	15	63	XAYLAP	Vietnamese
22	PHAN QUANG VU	GTC1	69	1	17		75	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

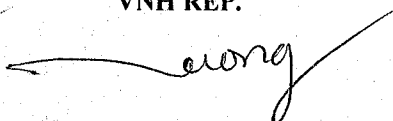
No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	PVD1	21	28	236	1.509	25	16		
2	GTC1	1	1	17	75	0	0		
3	BK3	0	0	0	0	0	6		
TOTAL		22	29	253	1.584	25	22		
WEIGHT KG				253	1.584	25			

GRAND TOAL: 1.862 KGS

VSP REP.



VNH REP.



CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 25/05/2022	FROM: VT	AIRCRAFT: 427	ETD: 13:35
FLIGHT: 10	TO: P10 - BK10 - BK4	CREW: HUNG - ĐNam - NNam	ETA: 15:15
XANH-4			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	PHẠM HIẾU LIÊM	P10	87	1	6		70	KH-THAC	Vietnamese
2	PHẠM VĂN THUYẾT	P10	88	1	7		80	KH-THAC	Vietnamese
3	TRƯƠNG VĂN MINH	P10	84	1	4		76	KH-THAC	Vietnamese
4	PHẠM DUY QUANG	P10	86	1	5		69	KH-THAC	Vietnamese
5	PHẠM NGỌC THANH	P10	89	1	4		66	KH-THAC	Vietnamese
6	TRẦN VĂN LỢI	P10	90	1	7		64	KH-THAC	Vietnamese
7	PHẠM VĂN ĐẠM	P10	91	1	10		67	DVL	Vietnamese
8	VÕ HOÀNG TIỀN	P10	85	1	16		80	XAYLAP	Vietnamese
9	NGUYỄN VĂN TUẤN	P10	92	1	7		75	PSV	Vietnamese
10	NGUYỄN VĂN NANG	P10	96	1	5		57	PSV	Vietnamese
11	BUI VĂN NGUYỄN	P10	75	1	5		71	PSV	Vietnamese
12	ĐỖ ĐẠI DƯƠNG	P10	76	1	4		60	PSV	Vietnamese
13	PHẠM ĐỨC CĂN	P10	95	1	5		56	PSV	Vietnamese
14	TRẦN QUANG HAI	P10	93-94	2	13		79	D-HANH	Vietnamese

FLIGHT PLAN

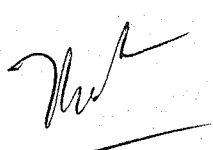
No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P10	14	15	98	970	0	16		
2	BK10	0	0	0	0	0	3		
3	BK4	0	0	0	0	20	3		
TOTAL		14	15	98	970	20	22		
WEIGHT KG				98	970	20			

GRAND TOAL: 1.088 KGS

VSP REP.



VNHS REP.



CAPTAIN

